

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21-03-2019

V/v: Ly hôn, giao con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Học

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Hồng

2. Ông Nguyễn Chí Vương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan– Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Sáu – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 03 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 58/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018 về việc “*Ly hôn, giao con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 21/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1986;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1982;

Cùng nơi cư trú: Tổ 08, ấp 01, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 12 năm 2018, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh K tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và đăng ký kết hôn năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B (nay là thị trấn T, huyện H), tỉnh Bình Phước theo giấy đăng ký kết hôn số 108, quyển số

01/2005 ngày 24/11/2005; có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý của hai gia đình; Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại ấp 1, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước và hạnh phúc được 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K không lo làm ăn để lo cho gia đình mà thường xuyên bài bạc nên vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau vì vậy mâu thuẫn kéo dài từ năm 2014 cho đến nay; cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Nay chị P xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài nên chị P yêu cầu ly hôn với anh K để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị P và anh K có hai con chung tên Nguyễn Hồng T, sinh năm: 2006 và Nguyễn Anh T, sinh năm: 2008, nay ly hôn chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Quá trình vợ chồng sinh sống tạo lập được 01 căn nhà cấp 4, tọa lạc tại ấp 01, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước trên đất của cha mẹ chị P. Nay ly hôn chị P không yêu cầu giải quyết, để vợ chồng tự giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không vay nợ ai cũng không cho ai vay nợ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Nguyễn Văn K trình bày:

Anh K thống nhất như trình bày của chị P về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung và nguyên nhân mâu thuẫn; anh K thừa nhận anh thường xuyên đánh bài ăn tiền nhưng giai đoạn gần đây anh không còn đánh bài nữa; nay anh K xác định mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng nên chị P yêu cầu ly hôn thì anh K không đồng ý và yêu cầu đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Thống nhất như chị P trình bày hai vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Hồng T, sinh năm: 2006 và Nguyễn Anh T, sinh năm: 2008; anh K cho rằng nếu Tòa án cho anh ly hôn với chị P thì anh đồng ý giao 2 con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh K thống nhất như chị P trình bày và không yêu cầu tòa án giải quyết, để vợ chồng tự thỏa thuận với nhau.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ chung của ai cũng không cho ai vay nợ.

Tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tiến hành tố tụng đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa nhưng từ khi thụ lý vụ án đến khi phân công Thẩm phán giải quyết vụ án chậm theo quy định;

tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng theo quy định của pháp luật; các thành phần tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào các lời khai, tranh luận tại phiên tòa. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh K đã mâu thuẫn trầm trọng, đã được địa phương xác nhận do anh K thường xuyên bài bạc, mâu thuẫn kéo dài nhiều năm liền, chị P cũng đã từng nộp đơn lên tòa để giải quyết nhưng chị P rút đơn về để anh K sửa đổi nhưng không kết quả; Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng chị P cương quyết ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim P, cho chị P ly hôn với anh Nguyễn Văn K. Về con chung và mức cấp dưỡng: đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao hai con chung cháu Nguyễn Hồng T, sinh năm: 2006 và Nguyễn Anh T, sinh năm: 2008 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Kim P vẫn giữ nguyên khởi kiện ban đầu, yêu cầu được ly hôn với anh K; Anh K có nơi cư trú tại ấp 01, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước; Căn cứ theo Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim P và anh Nguyễn Văn K sau thời gian tìm hiểu và chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B (nay là thị trấn T, huyện H), tỉnh Bình Phước theo giấy đăng ký kết hôn số 108, quyển số 01/2005 ngày 24/11/2005; hôn nhân tự nguyện, không có sự ép buộc hay lừa dối nào; được sự đồng ý của hai bên gia đình; có tổ chức lễ cưới đúng theo phong tục, tập quán của người Việt Nam; đó là hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại điều 9 và điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và đạo đức xã hội. Nguyên nhân mâu thuẫn, theo các đương sự trình bày là do anh K thường xuyên chơi bài bạc nên vay mượn tiền nhiều nên phải bán hết tài sản để trả nợ và anh K không có công việc làm ra tiền để chăm lo cuộc sống gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau và kéo dài. Sau khi chị P nộp đơn khởi kiện, tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả, chị P cương quyết, quyết định ly hôn với anh K; tuy nhiên, anh K không đồng ý ly hôn với chị P, muốn được vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái. Hội đồng xét xử nhận thấy: tại biên bản xác

minh ngày 19/02/2019 được Ban áp 01 nơi chị P, anh K sinh sống xác nhận trong cuộc sống do anh K bài bạc kéo dài nhiều năm liền dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, khoảng gần 01 năm nay anh K ít về nhà nên mâu thuẫn vợ chồng giữa anh K và chị P đã trầm trọng. Từ những nhận định trên xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh K đã mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Để ổn định cuộc sống cho các bên sau này và đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống của con chung nên cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị P đối với anh K.

[3] *Về con chung*: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Hồng T, sinh năm: 2006 và Nguyễn Anh T, sinh năm: 2008, chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, anh K đồng ý giao 02 con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và phù hợp với nguyện vọng của các con chưa thành niên nên HĐXX cần ghi nhận.

[4] *Về tài sản chung*: Các đương sự tự thỏa thuận với nhau nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: các đương sự khai không nợ chung của ai cũng không cho ai vay nợ nên HĐXX không xem xét giải quyết

[6] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

[7] *Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa*: Tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 82, 83, 84 và Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim P;

Chị Nguyễn Thị Kim P được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

Giấy đăng ký kết hôn số 108, quyển số 01/2005 ngày 24/11/2005 của Ủy

ban nhân dân xã T, huyện B (nay là thị trấn T, huyện H), tỉnh Bình Phước không còn giá trị pháp lý khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung*: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Giao con chung tên Nguyễn Hồng T, sinh năm: 2006 và Nguyễn Anh T, sinh năm: 2008 cho chị Nguyễn Thị Kim P trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con; Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi.

3. *Về tài sản chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. *Nợ chung*: Vợ chồng không nợ chung của ai cũng không cho ai vay nợ.

5. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Kim P phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005096 ngày 20/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

6. *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- THADS huyện H;
- Đương sự;
- UBND thị trấn T, h.H;
- Lưu: HS, VT.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
 (Đã ký)
Nguyễn Đình Học

